

Bản án số:55/2021/HSST

Ngày: 19/11/2021

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N - TỈNH HẢI DƯƠNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Điệp

- Các hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn Khương và bà Nguyễn Thị Huệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hà - Thư ký TAND huyện N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Huệ và Nguyễn Thị Nguyễn- Kiểm sát viên

Ngày 19/11/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 55/2021/HSST ngày 29/10/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2021/QĐXXST-HS ngày 08/11/2021 đối với các bị cáo:

1. Trịnh Thiên N, sinh năm: 1983; Tên gọi khác: không; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: thôn M, xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 12/12; Con ông Trịnh Huy B và con bà Nguyễn Thị Đ; Gia đình có 03 anh chị em, bị cáo là con thứ ba; Vợ là Trần Thị S, sinh năm 1985; có 03 con, con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2011; Tiền án, tiền sự: Chưa.

Bị cáo bị tạm giữ từ 18 giờ 00 phút ngày 24/9/2021 đến 18 giờ ngày 27/9/2021 thì thực hiện lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú

Bị cáo tại ngoại – Có mặt tại phiên tòa

2. Nguyễn Đình L, sinh năm: 1984; Tên gọi khác: không; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: thôn M, xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 09/12; Con ông Nguyễn Đình L1 và bà Nguyễn Thị M1; Gia đình có 03 chị em, bị cáo là con thứ hai; Vợ là Trần Thị V, sinh năm 1986; có 03 con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2014; Tiền án, tiền sự: Chưa.

Bị cáo bị tạm giữ từ 18 giờ 00 phút ngày 24/9/2021 đến 18 giờ ngày 27/9/2021 thì thực hiện lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú

Bị cáo tại ngoại – Có mặt tại phiên tòa

3. Nguyễn Văn T, sinh năm: 1984; Tên gọi khác: không; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: thôn M, xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 12/12; Con ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị Q; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất; Vợ là Hồ Thị V1, sinh năm 1996; có 02 con, con lớn sinh năm 2019, con nhỏ sinh năm 2021; Tiền án, tiền sự: Chưa.

Bị cáo bị tạm giữ từ 18 giờ 00 phút ngày 24/9/2021 đến 18 giờ ngày 27/9/2021 thì thực hiện lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú

Bị cáo tại ngoại – Có mặt tại phiên tòa

4. Nguyễn Đình T1, sinh năm: 1980; Tên gọi khác: không; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: thôn M, xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 12/12; Con ông Nguyễn Đình T5 và bà Vũ Thị T6; Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ hai; Vợ là Trịnh Thanh P, sinh năm 1981; có 02 con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2014; Tiền án, tiền sự: Chưa

Bị cáo bị tạm giữ từ 18 giờ 00 phút ngày 24/9/2021 đến 18 giờ ngày 27/9/2021 thì thực hiện lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú

Bị cáo tại ngoại – Có mặt tại phiên tòa

5. Phạm Huy T2, sinh năm: 1972; Tên gọi khác: không; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: thôn M, xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 12/12; Con ông Phạm Huy H và bà Trần Thị T6; Gia đình có 06 anh chị em, bị cáo là con thứ ba; Vợ là Nguyễn Thị Y, sinh năm 1976; có 02 con, con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2010; Tiền án, tiền sự: Chưa.

Bị cáo bị tạm giữ từ 18 giờ 00 phút ngày 24/9/2021 đến 18 giờ ngày 27/9/2021 thì thực hiện lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú

Bị cáo tại ngoại – Có mặt tại phiên tòa

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị Trần Thị V, sinh năm 1986

Địa chỉ: Thôn M, xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương. Có đơn đề nghị vắng mặt.

** Người làm chứng:*

+ Bà Trần Thị T3, sinh năm 1959.

Địa chỉ: Thôn K, xã C, huyện G, tỉnh Bắc Ninh.

+ Anh Nguyễn Văn T4, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Thôn Kim Độ, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương.

Đều vắng mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ 00 phút, ngày 24/9/2021, Trịnh Thiên N đi ăn cơm cùng Nguyễn Đình T1, Nguyễn Văn T, Nguyễn Đình L và Phạm Huy T2. Trong khi ăn cơm, N nói với 04 người còn lại "ăn xong về nhà anh T2 làm tí sâm", tất cả đều hiểu ý về nhà T2 để đánh bạc sát phạt nhau bằng tiền dưới hình thức đánh sâm và tất cả đồng ý. Sau khi ăn cơm xong, T2, N, T đi về nhà T2 trước, T1 chở L đi vào quán tạp hóa và bảo L vào mua bộ bài tú lơ khơ 52 cây để về nhà T2 đánh bạc. Khi đến nhà T2 ở thôn M, xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương, N hỏi T2 để cho 04 người gồm N, T, L, T1 ngồi nhờ phòng bếp ăn nhà T2 để thực hiện hành vi đánh bạc sát phạt nhau bằng tiền dưới hình thức đánh sâm, T2 biết và đồng ý để cho các đối tượng đánh bạc tại nhà của mình. Đến 15 giờ 15 phút cùng ngày, lực lượng Công an huyện N bắt quả tang, thấy Công an T2 hô lên "T1 ơi" để các đối tượng đang đánh bạc biết và đứng dậy bỏ chạy thì bị Công an khống chế, yêu cầu quay lại nơi đánh bạc để làm việc. Lực lượng công an đã thu giữ tại nơi đánh bạc 01 bộ tú lơ khơ 52 cây và yêu cầu các đối tượng bỏ hết tiền xuống chiếu bạc, tổng số tiền thu giữ là 31.500.000 đồng, gồm: tiền còn dưới chiếu bạc, 2,5 triệu đồng tại khe tủ lạnh nhà T2 do T tự nguyện giao nộp, L tự nguyện bỏ ra trong túi quần cạnh bên trái khoảng 4 triệu đến 5 triệu đồng và túi quần hậu bên phải 01 cọc tiền mệnh giá 500.000 đồng đếm được 20 triệu đồng còn đang buộc nịt.

Hình thức đánh bạc bằng hình thức đánh sâm là: sử dụng 01 bộ bài tú lơ khơ 52 cây, thứ tự các quân bài từ bé đến lớn là 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, J, Q, K, A, 2, mỗi quân bài chia làm 04 chất cơ, rô, bích, tép nhưng không phân biệt chất. Quy định luật chơi như sau: Chia ngẫu nhiên cho 4 người mỗi người 10 quân bài. Ở ván đầu tiên, nếu người giữ quân bài nhỏ nhất trong chiếu bạc sẽ được đánh trước. Từ ván thứ 2 trở đi, người về nhất của ván trước sẽ giành được quyền đi đầu. Sau khi chia bài người chơi lên bài, nếu thấy bài mình có thể đánh hết 10 cây mà những người còn lại không bắt được thì người này có thể xin "sâm". Sau khi xin "sâm" thì người này được đánh bài, nếu đánh hết 10 cây trên tay mà không có ai bắt được thì 03 người chơi còn lại mỗi người phải trả cho người này số tiền là 250.000 đồng; nếu có người bắt được bài của người xin "sâm" thì người xin "sâm" phải trả cho người bắt được bài của mình số tiền là 750.000 đồng. Nếu không có ai xin "sâm" thì người đầu tiên sẽ đánh bài, những người còn lại đánh tiếp theo thứ tự ngược chiều quay của kim đồng hồ, người đánh sau sẽ lần lượt chặn bài người đánh trước bằng quân bài hoặc bộ lớn hơn quân bài/bộ mà người đi trước đánh: đôi (2 quân bài cùng số) chặn đôi, sâm (bộ gồm 3 lá bài cùng số) chặn sâm, sảnh (bộ gồm 3 quân bài trở lên có thứ tự liên tiếp) chặn sảnh, tứ quý (bộ 4 quân bài cùng số bất kỳ) chặn được quân bài số 2;

khi đánh ra 01 quân/bộ bài mà không có ai trong chiếu bài có thể chặn được thì người chơi sẽ giành được đánh đầu tiên cho lượt kế tiếp. Đánh đến khi người nào hết số lá bài trên tay đầu tiên thì người này gọi là về "nhất". Những người còn lại phải trả tiền cho người "về nhất" số tiền bằng số cây bài trên tay nhân với số tiền 10.000 đồng/cây. Nếu ai không đánh được cây bài nào (còn nguyên 10 lá bài trên tay) thì người này gọi là "cháy", người "cháy" phải trả cho người "về nhất" số tiền là 150.000 đồng. Sau khi thanh toán xong thì các đối tượng tiếp tục đánh ván bài mới.

Trong quá trình đánh bạc, L vay của T 1.000.000 đồng, sau đó L thắng bạc nên đã trả lại T; N vay của T 03 lần, mỗi lần 500.000 đồng; T1 vay của T 500.000 đồng. Khi bị bắt quả tang, T và L đang thắng bạc, T1 và N đang thua bạc.

Về số tiền sử dụng vào mục đích đánh bạc, các đối tượng khai nhận: Khi vào đánh bạc, Nguyễn Đình T1 có 750.000 đồng; Nguyễn Văn T có 3.000.000 đồng; Trịnh Thiên N có 600.000 đồng; Nguyễn Đình L có 7.150.000 đồng. Đối với cọc tiền buộc nịt gồm 40 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng đếm được 20.000.000 đồng L để ở túi quần hậu bên phải, số tiền này không sử dụng vào mục đích đánh bạc mà để đi mua hành giống về trồng.

Tại Bản cáo trạng số 55/CT-VKS-NS ngày 28/10/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Hải Dương truy tố các bị cáo Trịnh Thiên N, Nguyễn Đình L, Nguyễn Văn T, Nguyễn Đình T1, Phạm Huy T2 về tội Đánh bạc theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị HĐXX: Tuyên bố các bị cáo Trịnh Thiên N, Nguyễn Đình L, Nguyễn Văn T, Nguyễn Đình T1, Phạm Huy T2 phạm tội "Đánh bạc"; Căn cứ khoản 1 Điều 321, Điều 17, Điều 58, điểm s, i khoản 1 Điều 51 đối với tất cả các bị cáo; thêm khoản 2 Điều 51 BLHS đối với bị cáo N và T2; Điều 65 BLHS đối với N, L, T; Điều 36 BLHS đối với T1 và Điều 35 BLHS đối với bị cáo T2; Điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106; **Điều 136; Điều 331, 332, 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326 của UBTVQH quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.**

Xử phạt bị cáo Trịnh Thiên N từ 10 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 20 tháng đến 24 tháng tính từ ngày tuyên án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình L và Nguyễn Văn T mỗi bị cáo từ 9 đến 11 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 18 đến 22 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo N, L, T cho UBND xã N, huyện N giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu

người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình T1 từ 08 đến 10 tháng cải tạo không giam giữ; (Trừ đi 03 ngày tạm giữ bằng 09 ngày cải tạo không giam giữ). Bị cáo còn phải chấp hành từ 07 (sáu) tháng 21 (hai mươi một) đến ngày đến 9 (tám) tháng 21 (hai mươi một ngày) cải tạo không giam giữ. Thời hạn tính từ ngày UBND xã N nhận được Quyết định thi hành án hoặc bản sao bản án. Khấu trừ thu nhập 5%/tháng của bị cáo để nộp Ngân sách Nhà nước trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo T1 cho UBND xã N giám sát, giáo dục trong thời gian các bị cáo cải tạo tại địa phương.

Xử phạt tiền bị cáo Phạm Huy T2 từ 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng) đến 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) nộp vào Ngân sách Nhà nước.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng, Về vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu cho tiêu hủy 01 bộ tú lơ khơ gồm 52 quân bài; Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước số tiền 11.500.000 đồng; Trả cho bị cáo Nguyễn Đình L và vợ bị cáo là chị Trần Thị V số tiền 20.000.000đ. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ **Điều 136** Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí, Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về chế độ án, lệ phí Tòa án buộc các bị cáo phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, thừa nhận Viện kiểm sát nhân dân huyện N truy tố các bị cáo với điều luật như trên là đúng, đề nghị cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

Chị Trần Thị V có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Số tiền 20.000.000đ cơ quan Công an thu giữ chị xác định là tài sản chung vợ chồng giữa chị và bị cáo Nguyễn Đình L, không liên quan đến việc phạm tội nên chị đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trả lại cho chị và bị cáo Nguyễn Đình L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, VKSND huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Từ khoảng 13 giờ đến 15 giờ 15 phút ngày 24/9/2021, tại phòng bếp ăn nhà Phạm Huy T2 ở thôn M, xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương. Trịnh Thiên N, Nguyễn Đình T1, Nguyễn Đình L, Nguyễn Văn T đánh bạc sát phạt nhau bằng tiền dưới hình thức đánh "sâm" thì bị Công an huyện Nphát hiện bắt quả tang, thu giữ vật chứng. Số tiền các đối tượng sử dụng vào mục đích đánh bạc là 11.500.000 đồng.

Xét các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Nhận thức được việc đánh bạc trái phép là vi phạm pháp luật, trực tiếp xâm hại đến trật tự trị an tại địa phương. Song do muốn hưởng lợi nhưng lại không chịu lao động chân chính nên các bị cáoT1, N, T, L vẫn cố ý sát phạt nhau bằng tiền dưới hình thức đánh "sâm". T2 mặc dù không trực tiếp tham gia đánh bạc nhưng đồng ý để các đối tượng đánh bạc tại nhà ở của mình. Do vậy,hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội Đánh bạc quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự như Viện kiểm sát nhân dân huyện N truy tố đối với các bị cáo là có cơ sở, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét đây là vụ án đồng phạm giản đơn nhưng cũng cần phân hóa vai trò của từng bị cáo để có mức hình phạt phù hợp. Các bị cáo Trịnh Thiên N, Nguyễn Đình L, Nguyễn Văn T, Nguyễn Đình T1 là người trực tiếp tham gia đánh bạc. Mặc dù, các bị cáo khai là đều có ý định đánh bạc từ trước nhưng người nói ra việc về nhà T2 đánh bạc là Trịnh Thiên N. N có 600.000đ để đánh bạc nhưng khi chơi thua hết số tiền 600.000đ mang theo lại tiếp tục vay của L balần mỗi lần 500.000đ (tổng vay 1.500.000đ) nên xác định số tiền N sử dụng vào việc đánh bạc là 2.100.000đ. Từ đó xác định, N là người khởi xướng, trực tiếp đánh bạc nên giữ vai trò chính trong vụ án. Tiếp đến là Nguyễn Văn T và Nguyễn Đình L. Mặc dù số tiền Tmang đi để đánh bạc chỉ có 3.000.000đ nhưng khi thắng bạc, các con bạc hỏi vay tiền để tiếp tục đánh bạc T đã choL vay 1000.000 đồng, N vay 03 lần, mỗi lần 500.000 đồng; T1 vay 500.000 đồng. Còn Nguyễn Đình L là người chuẩn bị công cụ (trực tiếp mua bộ bài), khi sử dụng hết số tiền 7. 150.000đ bị cáo tiếp tục vay củaT 1.000.000đ để đánh bạc nên xác định tổng số tiền bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là 8.150.000đ. Mặc dù số tiền T sử dụng vào việc đánh bạc ít hơn L nhưng hành vi của bị cáo là nguy hiểm, đã tạo điều kiện, cơ hội cho các con bạc khác tiếp tục sát phạt nhau. Do vậy, bị cáo T và L giữ vai trò thứ 2 trong vụ án. T1 là người chở L về nhà T2 và trên đường về đã bảo L vào mua bộ bài, sau khi sử dụng hết số tiền 750.000đ mang theo bị cáo lại vay của T 500.000đ để đánh bạc nên xác định số tiền bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là 1.250.000đ nên bị cáo giữ vai trò thứ 3 trong vụ án. Cuối cùng là Phạm Huy T2 mặc dù không trực tiếp tham gia đánh bạc, tuy N khi các đối tượng rủ nhau về nhà bị cáo để đánh bạc, bị cáo

đã không ngăn cản mà để các con bạc sát phạt nhau tại nhà mình, điều này đã tạo điều kiện cho các con bạc có địa điểm đánh bạc, T2 giữ vai trò đồng phạm trong vụ án. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử sẽ có hình phạt tương xứng với từng hành vi phạm tội của các bị cáo.

[4] Xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo. Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo N, L, T, T1, T2 đều thành khẩn khai báo, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo N có bố là ông Trịnh Huy Bám được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhì và bị cáo T2 có bố là ông Phạm Huy Hội được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng 3, Huân chương chiến sĩ hạng 1,2, có mẹ là bà Trần Thị Tuyết được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng 3 nên bị cáo T2, N được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Xét thấy, N có vai trò chính trong vụ án nên áp dụng mức hình phạt cao nhất. L và T cùng giữ vai trò thứ hai nên cần có mức hình phạt ngang bằng nhau để đảm bảo sự công bằng giữa các bị cáo. Tiếp đến là T1 và hình phạt thấp nhất dành cho T2. Tuy N, các bị cáo đều chưa có tiền án, tiền sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, các bị cáo đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Vì vậy, không cần thiết phải bắt các bị cáo chấp hành hình phạt tù mà cho các bị cáo N, L, T được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự; phạt cải tạo không giam giữ theo Điều 36 Bộ luật hình sự đối với T1 và áp dụng phạt tiền là hình phạt chính theo Điều 35 Bộ luật hình sự đối với T2 cũng đủ tác dụng giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội, sống biết chấp hành và tuân thủ pháp luật.

[6] Về hình phạt bổ sung: các bị cáo đều là lao động tự do, công việc và thu nhập không ổn định, không có tài sản riêng; bị cáo T2 đã áp dụng hình phạt chính là phạt tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với tất cả các bị cáo.

[7] Về vật chứng: Xét thấy 01 bộ tú lơ khơ gồm 52 quân bài là công cụ phạm tội, không còn giá trị sử dụng cần tịch thu cho tiêu hủy theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Đối với số tiền 11.500.000 đồng là số tiền các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, cần tịch thu sung quỹ Nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Đối với số tiền 20.000.000đ Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện N thu giữ của bị cáo Nguyễn Đình L. Quá trình điều tra xác định số tiền trên không liên quan đến việc phạm tội, các bị cáo đều xác định L không sử dụng số tiền đó vào

việc đánh bạc. Đây là tài sản chung của vợ chồng bị cáo L nên cần trả lại cho bị cáo L và vợ là chị Trần Thị V theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật hình sự.

[8] Về án phí: Các bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại **Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí** và Nghị quyết số 326 của UBTVQH quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 321, Điều 17, Điều 58, điểm s, i khoản 1 Điều 51 đối với tất cả các bị cáo; thêm khoản 2 Điều 51 BLHS đối với bị cáo N và T2; Điều 65 BLHS đối với N, L, T; Điều 36 BLHS đối với T1 và Điều 35 BLHS đối với bị cáo T2; Điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106; **Điều 136; Điều 331, 332, 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí**; Nghị quyết số 326 của UBTVQH quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

[1] Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Trịnh Thiên N, Nguyễn Văn T, Nguyễn Đình L, Nguyễn Đình T1, Phạm Huy T2 phạm tội “Đánh bạc”.

[2] Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Trịnh Thiên N 10(mười) tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 20(hai mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình L và Nguyễn Văn T mỗi bị cáo 09(chín)tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo N, L, T cho UBND xã N, huyện Ngắm sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình T1 09 (chín)tháng cải tạo không giam giữ; (Trừ đi 03 ngày tạm giữ bằng 09 ngày cải tạo không giam giữ). Bị cáo còn phải chấp hành từ 08 (tám) tháng 21 (hai mươi một) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn tính từ ngày UBND xã N nhận được Quyết định thi hành án hoặc bản sao bản án. Khấu trừ thu nhập 5%/tháng của bị cáo để nộp Ngân sách Nhà nước trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo T1 cho UBND xã N giám sát, giáo dục trong thời gian các bị cáo cải tạo tại địa phương.

Xử phạt tiền bị cáo Phạm Huy T2 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng) nộp vào Ngân sách Nhà nước.

[3] Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng

[4] Về vật chứng: Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước số tiền 11.500.000đồng. Trả lại cho bị cáo Nguyễn Đình L và chị Trần Thị V20.000.000đ(hiện đang gửi tại Kho bạc nhà nước N theo biên bản giao nhận tài sản giữa Công an huyện N và Kho bạc Nhà nước N).Tịch thu cho tiêu hủy 01 bộ tú lơ khơ gồm 52 quân bài (Theo biên bản giao nhận vật chứnggiữa Công an huyện N và Chi cục Thi hành án dân sự huyện N)

[5] Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc các bị cáo N, T, L, T1, T2mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

[6] Án xử công khai có mặt các bị cáo. Báo cho các bị cáo biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo phần liên quan đến mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Sở TP tỉnh Hải Dương;
- VKSND huyện N;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- CQCSĐT - CA huyện N;
- CQTHAHS – CA huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Các bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- UBND xã N;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Thị Điệp